

Bản án số: **162/2018/KDTM-PT**

Ngày: 26/11/2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thành Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 96/2018/TLPT-KDTM ngày 12/9/2018 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2018/ KDTM-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 428/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: Số 21 Phố C, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Số 475 Phố N, quận T Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Mạnh T, bà Lương Thị Ngọc Y, ông Nguyễn Thành G (theo văn bản ủy quyền số 4179/UQ-HS ngày 30/11/2015).

**Bị đơn:** Công ty TNHH T

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế T.

Địa chỉ: Số 18A Phố P, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:**

Hộ gia đình ông Nguyễn Thế M gồm: Ông Nguyễn Thế M bà Nguyễn Thị L; anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị T (cháu Nguyễn Bảo K, sinh năm 2016 con anh V và chị T do anh V chị T làm đại diện theo pháp luật); anh Nguyễn Quốc X, chị Trịnh Quỳnh A (cháu Nguyễn Quế P, sinh năm 2011 con anh X và chị Quỳnh A do anh X chị Quỳnh A làm đại diện theo pháp luật); anh Nguyễn Phương N, chị Nguyễn Tú Q (cháu Nguyễn Nam P là con anh N và chị Q do anh N chị Q đại diện theo pháp luật).

Cùng trú tại địa chỉ: Số 26 ngách 36 ngõ G, phố B, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Thế M (theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2016).

*Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thế M Công ty TNHH T

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Ngân hàng TMCP Q chi nhánh quận T và Công ty TNHH T đã ký 02 hợp đồng tín dụng ngắn hạn để thanh toán tiền mua hàng: Hợp đồng tín dụng số 248.12.003.1289054.TD ngày 04/10/2012 theo khế ước nhận nợ số LD1227800272 ngày 04/10/2012: Số tiền vay là 1.500,000,000 VNĐ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay kể từ ngày 04/01/2012 đến ngày 04/01/2013; lãi suất 13%/năm. Hợp đồng tín dụng số 299.12.003.1289054.TD ngày 24/12/2012 theo khế ước nhận nợ số LD1236200316 ngày 27/12/2012, số tiền vay là 1.650,000,000 VNĐ (*Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay kể từ ngày 27/12/2012 đến ngày 27/03/2013, lãi suất 12%/năm. Lãi suất hai bên thỏa thuận là lãi suất cố định, không điều chỉnh trong quá trình vay.

Tổng số tiền Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho Công ty TNHH T vay theo hai khế ước nhận nợ trên là 3.150.000.000 đồng (*Ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH T gồm:

+ Ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị L thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 64, tờ bản đồ số 5H-II-04 tại địa chỉ số 26 ngách 36 ngõ G, phố B, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107372849, hồ sơ gốc số 61.2002.QĐUB/1103.2002 do UBND Quận H, Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/8/2002 theo Hợp đồng thế chấp Công chứng số 4066.2012/ HĐTC, Quyền số 1TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/9/2012 tại Trụ sở Phòng Công chứng số 4-Thành phố Hà Nội; Hợp đồng bổ sung, sửa đổi lần 1 ngày 17/12/2012; đăng ký giao dịch

bảo đảm ngày 20/09/2012 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận H; bảo đảm cho khoản vay tối đa là 2.521.000.000 đồng.

+ Tài sản đảm bảo là hàng hóa luân chuyển gồm các mặt hàng thực phẩm bao gồm các sản phẩm nước uống C2, sữa đậu nành Fami, sữa TH True Milk, Thạch Long Hải, bánh Chocopie tại địa điểm lưu kho: CN3 - KCN phố V, phường H, quận M, Thành phố Hà Nội với giá bình quân duy trì ở mức tối thiểu là 3.000.000.000 đồng (*ba tỷ đồng*) theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 124.12.003.1289054.DB ngày 04/10/2012 giữa Công ty T và Ngân hàng TMCP Q chi nhánh Quận T đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội, số đăng ký là 1137581950 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo, hợp đồng, thông báo kê biên tài sản thi hành án ngày 04/10/2012; bảo đảm cho khoản vay tối đa là 1.500.000.000 VNĐ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã trả được 77.000.000 (bảy mươi bảy triệu) đồng tiền nợ gốc và 51.169.258 (năm mươi một triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi tám) đồng tiền lãi cho hai cả khế ước đã ký.

Do Công ty TNHH T không trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP Q đã khởi kiện Công ty TNHH T tại Tòa án nhân dân quận H. Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2016, Ngân hàng Quân đội yêu cầu: Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/01/2016 của khoản vay trên tổng số tiền: 4.877.196.575 đồng (bốn tỷ tám trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng); trong đó: nợ gốc là 3.120.000.000 đồng (ba tỷ một trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn): 1.757.196.575 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng) lãi được tiếp tục tính đến khi trả xong nợ. Trường hợp Công ty TNHH T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý hai tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Tuy nhiên, ngày 01/06/2017, Ngân hàng TMCP Q có đơn xin rút yêu cầu xử lý, phát mại đối với tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 124.12.003.1289054.DB ngày 04/10/2012 giữa Công ty T và Ngân hàng Quân đội do Công ty TNHH T đã bán hết hàng hoá trong kho.

Ông Nguyễn Thế T, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T trình bày:

Công ty TNHH T xác nhận Công ty và Ngân hàng TMCP Q đã ký kết hợp đồng tín dụng và hai khế ước nhận nợ như nguyên đơn trình bày. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị L đã tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 64, tờ bản đồ số 5H-II-04 địa chỉ số 26 ngách 36 ngõ G, phố B, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội đứng tên ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị L. Ngoài ra Công ty còn thế chấp hàng hóa cho Ngân hàng là các mặt hàng thực phẩm bao gồm các sản phẩm nước uống C2, sữa đậu

nành Fami, sữa TH True Milk, Thạch Long Hải, bánh Chocopie tại địa điểm lưu kho: CN3 - KCN Phố V, Phường H, quận M, Thành phố Hà Nội.

Ông T xác nhận sau khi hai bên ký hợp đồng, Ngân hàng TMCP Q giải ngân đủ số tiền theo Hợp đồng tín dụng cho Công ty T. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã trả được 77.000.000 (bảy mươi bảy triệu) đồng tiền nợ gốc và 51.169.258 (năm mươi một triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi tám) đồng tiền lãi cho hai cả khế ước đã ký như Ngân hàng trình bày. Do hoàn cảnh Công ty gặp rất nhiều khó khăn nên Công ty không thanh toán được cho Ngân hàng nên các khoản vay chuyển quá hạn.

Công ty TNHH T xác nhận số nợ gốc và lãi hiện nay như nguyên đơn trình bày. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian cho Công ty để Công ty thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Lời khai của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị L do ông M là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do quan hệ hàng xóm, quen biết nhau nên ông M và bà L đã đồng ý ký kết Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 64, tờ bản đồ số 5H-II-04 tại địa chỉ số 26 ngách 36 ngõ G, phố B, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội để đảm bảo cho Công ty T vay tiền của Ngân hàng Quân đội theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản như nguyên đơn và bị đơn đã trình bày. Nay ông bà đề nghị buộc Công ty T phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã nợ Ngân hàng và căn cứ điều 134; mục 2 Điều 137; mục 2 Điều 45 của Bộ luật dân sự 2005 để tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản ký ngày 18/09/2012 giữa ba bên giao dịch vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức để trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất cho gia đình ông bà.

Anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị T anh Nguyễn Quốc X, chị Trịnh Quỳnh A anh Nguyễn Phương N, chị Nguyễn Tú Q trình bày: Các anh chị cùng xác nhận nhà đất tại số 26/36 ngõ G, phường T, quận H, Hà Nội được gia đình xây dựng mới hoàn toàn là nhà 04 tầng 01 tum từ năm 2005. Từ đó cho đến nay nhà đất của ông M bà L vẫn giữ nguyên hiện trạng không có sửa chữa gì mới. Đến năm 2012, ông M bà L cho ông T mượn sổ đỏ đi thế chấp vay tiền của Ngân hàng đúng như ông M bà L đã trình bày. Nay Ngân hàng khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải có trách nhiệm trả tiền vay của Ngân hàng để Ngân hàng trả lại sổ đỏ cho gia đình các anh chị.

Bản án sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân quận H đã xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với Công ty TNHH T. Buộc Công ty TNHH T phải trả số tiền nợ tính đến ngày 25/05/2018 cho Ngân hàng TMCP Q là 6.237.535.000 (sáu tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc là 3.073.000.000 (ba tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu đồng); nợ lãi là 3.164.000.000 (ba tỷ, một trăm sáu mươi

bốn triệu đồng), (lãi trong hạn là 48.164.075 đồng, lãi phạt trên gốc quá hạn 2.543.976.250 đồng). Công ty TNHH T phải tiếp tục chịu lãi trên nợ gốc 3.120.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong từng Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi trả hết nợ gốc. Trong trường hợp Công ty TNHH T không trả được số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo theo Hợp đồng thế chấp Công chứng số 4066.2012/ HĐTC, Quyền số 1TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/9/2012 tại Phòng Công chứng số 4-Thành phố Hà Nội, Hợp đồng bổ sung, sửa lần 1 ngày 17/12/2012 đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/09/2012 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận H để thu hồi nợ với giá trị tài sản thế chấp đảm bảo mức dư tối đa là 2.521.000.000 VNĐ (Hai tỷ năm trăm hai mươi một triệu đồng). Trường hợp đã phát mại tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ mà giá trị tài sản thu hồi không đủ trả nợ thì Công ty TNHH T vẫn tiếp tục phải thanh toán phần nợ thiếu cho Ngân hàng TMCP Q cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngày 08/6/2018 ông Nguyễn Thê M kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm chưa chính xác, làm ảnh hưởng tới quyền lợi nghĩa vụ của gia đình ông cụ thể:

- Hình thức nội dung hợp đồng thế chấp không thực hiện đúng quy định tại các điều 342, 361, 362 BLDS năm 2005.

- Người ký kết hợp đồng thế chấp, bên nhận thế chấp không đúng thẩm quyền vi phạm Điều 583 về ủy quyền lại, khoản 3 Điều 10 Nghị định 09 của Chính phủ về ký thừa ủy quyền.

- Bị lừa dối trong giao dịch ký kết hợp đồng thế chấp.

- Cán bộ ngân hàng tự ý đi đăng ký bảo đảm không được sự ủy quyền của bên thế chấp, vi phạm nội dung cam kết trong hợp đồng.

- Thực hiện công chứng hợp đồng vi phạm pháp luật

- Thực hiện không đúng quy định về cho vay, cấp hạn mức tín dụng.

Ngày 11/6/2018 ông Nguyễn Thế T kháng cáo với lý do bản án sơ thẩm chưa khách quan, không đúng quy định pháp luật, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho gia đình ông M vì không cho Công ty T có cơ hội đàm phán, trả nợ dần từng thời điểm mà bắt Công ty phải thanh toán hết nếu không sẽ đề nghị phát mại tài sản nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ trong khi Công ty đã phá sản.

***Tại cấp phúc thẩm:***

- + Tại cấp phúc thẩm đại diện của Công ty T ông Nguyễn Thế T vẫn giữ nguyên những lời khai tại cấp sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- + Ông Nguyễn Thế M (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Xác nhận ông và bà L đã dùng

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của vợ chồng ông tại địa chỉ số 26 ngách 36 ngõ G, phố B, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội thế chấp bảo đảm khoản vay của Công ty T với mức dư tối đa là 2.521.000.000 đồng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/09/2012 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận H.

Tuy nhiên ông Nguyễn Thế M cho rằng Hợp đồng thế chấp nhà đất của gia đình ông thì người đại diện Ngân hàng là ông Đỗ Việt C ký hợp đồng thế chấp không đúng thẩm quyền. Công chứng viên không xác định rõ tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng thế chấp mà đã làm thủ tục công chứng Hợp đồng thế chấp là vi phạm Luật Công chứng. Giám đốc Công ty TNHH T và cán bộ Ngân hàng giải thích không trung thực khi nhờ gia đình ông đứng ra bảo lãnh vay tiền cho Công ty TNHH T để gia đình ông ký vào bản Hợp đồng thế chấp. Ngân hàng vi phạm các quy định cho vay tín dụng vì Công ty TNHH T chưa thanh toán khoản vay đợt 1 thì Ngân hàng đã tiếp tục cho giải ngân cho Công ty TNHH T vay tiếp đợt 2.

Ông Nguyễn Thế M đề nghị Hội đồng xét xử xét lại bản án sơ thẩm có liên quan tới quyền lợi hợp pháp của gia đình ông.

Tại Đơn đề nghị ngày 05/10/2018, anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị T anh Nguyễn Quốc X, chị Trịnh Quỳnh A anh Nguyễn Phương N và chị Nguyễn Tú Q là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Hiện tại cả ba hộ gia đình đang thường trú tại nhà đất của bố mẹ anh chị là ông M và bà L; xin giữ nguyên tất cả các lời khai tại cấp sơ thẩm. Do điều kiện công tác nên anh V chị T, anh X chị Quỳnh A, anh N và chị Q đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt anh chị và mọi vấn đề liên quan đến vụ án do ông Nguyễn Thế M quyết định.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của Công ty T đã hai lần vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Ngân hàng TMCP Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày:*

Ngân hàng TMCP Q chi nhánh Quận T và Công ty TNHH T đã ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn như đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên của Công ty TNHH T đúng như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và lời khai tại cấp phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng TMCP Q đề nghị buộc Công ty TNHH T phải trả 3.073.000.000 đồng tiền nợ gốc và 3.164.535.325 đồng tiền nợ lãi của hai khế ước đã bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn. Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/5/2018, Công ty T phải trả Ngân hàng TMCP Q là 6.237.535.325 đồng. Trường hợp Công ty T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản là nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Đơn kháng cáo trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Tuy nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, ông Nguyễn Thế M và Công ty T kháng cáo, các yêu cầu kháng cáo độc lập nên mỗi đương sự kháng cáo phải nộp số tiền án tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng một người nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ cho mỗi người kháng cáo nộp 300.000 đồng là chưa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:* Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật.

*Về các nội dung kháng cáo:*

\* Xét kháng cáo của Công ty T thấy rằng: Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Nội dung hợp đồng phù hợp quy định của Bộ luật dân sự. Ngân hàng đã thỏa thuận lãi phù hợp với lãi trần theo Thông tư 20/2012/NHNN ngày 08/6/2012 (quy định lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa với loại hình doanh nghiệp này là 13%); Thông tư 33/2012/NHNN ngày 21/12/2012 (lãi suất cho vay tối đa 12%) trong hợp đồng hai bên thỏa thuận về lãi là cố định nên việc Ngân hàng tính lãi trong hạn và quá hạn là đúng quy định. Trong đơn kháng cáo, ông T cho rằng việc làm ăn thua lỗ và gia đình ông là gia đình chính sách, buộc trả hết nợ không để cho ông có cơ hội đàm phán là không phù hợp vì khi đã tranh chấp ra Tòa án thì Tòa án chỉ giải quyết theo quy định của pháp luật, các đương sự hoàn toàn có quyền đàm phán hòa giải tiếp trong quá trình thi hành án. Tuy nhiên, Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty TNHH T do ông Nguyễn Thế T làm giám đốc đã hai lần vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T.

\* Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thế M thấy rằng :

Ông M cho rằng quá trình nhận thế chấp tài sản Ngân hàng đã không tuân thủ quy định về thủ tục ủy quyền, ông M bị Công ty T lừa dối. Tuy nhiên hai đề nghị trên của ông M không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của ông M không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

\* Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty T là Bị đơn và ông Nguyễn Thê M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được làm trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời gian quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử cho tất cả các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chỉ có ông Nguyễn Thê M và đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Q có mặt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty TNHH T do ông Nguyễn Thê T làm giám đốc đã hai lần vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T.

\* Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q và Công ty TNHH T phát sinh từ 02 hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 248.12.003.1289054.TD ngày 04/10/2012 và Hợp đồng tín dụng số 299.12.003.1289054.TD ngày 24/12/2012 được xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng quy định pháp luật.

\* Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Công ty TNHH T có địa chỉ tại Số 18A Phố P, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

\* Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện: Phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

\* Về nội dung vụ án:

- Xét Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Nội dung hợp đồng phù hợp quy định của Bộ luật dân sự nên hợp đồng tín dụng các bên ký kết có giá trị pháp lý.

Về nợ gốc: Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH T theo hai hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 3.150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty T đã trả cho Ngân hàng được 77.000.000 đồng tiền nợ gốc cho cả hai khế ước đã ký. Như vậy, Công ty T còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc là 3.073.000.000 đồng.

Về nợ lãi: Khế ước nhận nợ số LD1227800272 ngày 04/10/2012: Số tiền vay là 1.500,000,000 đồng, thời hạn vay kể từ ngày 04/01/2012 đến ngày 04/01/2013; lãi suất 13%/năm. Hợp đồng tín dụng số 299.12.003.1289054.TD ngày 24/12/2012 theo khế ước nhận nợ số LD1236200316 ngày 27/12/2012, số tiền vay là

1.650,000,000 VNĐ, thời hạn vay kể từ ngày 27/12/2012 đến ngày 27/03/2013, lãi suất 12%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thanh toán cho Ngân hàng 51.169.258 đồng tiền lãi cho cả hai khế ước. Ngân hàng tính mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn không vượt quá quy định về mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng TMCP Q 3.164.535.325 đồng tiền nợ lãi của hai khế ước đã bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

-Về yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thế M:

Ông M cho rằng ông là người bảo lãnh cho Công ty T vay tiền của Ngân hàng TMCP Q chi nhánh Quận T là đúng, nhưng ông cho rằng theo Điều 167 Luật Đất đai thì người sử dụng đất chỉ có quyền thế chấp bằng quyền sử dụng đất chứ không quy định bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất nên Hợp đồng này xác định đây là hợp đồng thế chấp là trái pháp luật từ đó ông cho rằng Hợp đồng này vô hiệu về hình thức là không có cơ sở vì Bộ luật Dân sự quy định người thế chấp toàn bộ bất động sản trong đó có tài sản gắn liền với đất cũng thuộc tài sản thế chấp, hơn nữa trong hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết ghi rõ “Tài sản thế chấp là căn nhà và quyền sử dụng thửa đất số 64, tờ bản đồ số 5H-II-04 tại địa chỉ số 26 ngách 36 ngõ G, phố B, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107372849, hồ sơ gốc số 61.2002.QĐUB/1103.2002 do UBND Quận H, Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/8/2002” để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T với Ngân hàng Quân đội theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Do vậy yêu cầu kháng cáo nêu trên của ông M không được chấp nhận.

Ông M cho rằng Hợp đồng thế chấp là do ông bị lừa dối nhưng ông không có chứng minh và ông cũng thừa nhận việc ông ký hợp đồng thế chấp là tự nguyện không bị ai ép buộc nên không có cơ sở xác định ông bị lừa dối.

Việc ông M cho rằng đăng ký giao dịch đảm bảo do Công ty T và Ngân hàng tự ý đi đăng ký mà không có ủy quyền của bên thế chấp tài sản là vi phạm hợp đồng là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc đăng ký giao dịch đảm bảo đối với tài sản thế chấp trong vụ án hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch đảm bảo.

Ngoài ra, ông M còn cho rằng Ngân hàng vi phạm về quy định cho vay tín dụng, ông chỉ liệt kê các điều khoản pháp luật nhưng cũng không đưa ra bất kỳ một chứng cứ nào về việc vi phạm.

Ông M cho rằng quá trình nhận thế chấp tài sản Ngân hàng đã không tuân thủ quy định về thủ tục ủy quyền đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho những người được ủy quyền lại và trong quá trình thế chấp tài sản, ông M bị Công ty T

lừa dối. Tuy nhiên, hai đề nghị trên của ông M không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của ông M không có căn cứ chấp nhận.

Về phần tạm ứng án phí trong vụ án kinh doanh thương mại, số tiền người kháng cáo phải nộp là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên tào án cấp sơ thẩm chỉ cho nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng là chưa đúng quy định cần rút kinh nghiệm.

Công ty TNHH T và ông Nguyễn Thế M phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Kết luận của vị đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 148; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 323 Bộ luật dân sự .
- Luật các tổ chức tín dụng.
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo: Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu lệ phí, án phí Tòa án.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với Công ty TNHH T.

Công ty TNHH T phải trả Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ của các khế ước nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: nợ gốc là 3.073.000.000 đồng và 3.164.535.325 đồng tiền nợ lãi đã bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn. Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/5/2018, Công ty T phải trả Ngân hàng TMCP Q là 6.237.535.325 đồng. Công ty TNHH T phải tiếp tục chịu lãi trên nợ gốc 3.073.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong từng Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Trong trường hợp Công ty TNHH T không trả được số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị Chi cục Thi Hành án dân sự có thẩm quyền

xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị L tại địa chỉ số 26 ngách 36 ngõ G, phố B, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107372849 do UBND Quận H, Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/8/2002 theo Hợp đồng thế chấp Công chứng số 4066.2012/ HĐTC, Quyền số 1TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/9/2012 tại Phòng Công chứng số 4-Thành phố Hà Nội, Hợp đồng bổ sung, sửa lần 1 ngày 17/12/2012 đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/09/2012 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận H để thu hồi nợ với giá trị tài sản thế chấp đảm bảo mức dư tối đa là 2.521.000.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm hai mươi một triệu đồng*).

3. Trường hợp đã phát mại tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ mà giá trị tài sản thu hồi không đủ trả nợ thì Công ty TNHH T vẫn tiếp tục phải thanh toán phần nợ thiếu cho Ngân hàng TMCP Q cho đến khi thanh toán xong

Trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì ngoài các đương sự trong vụ án đang cư trú tại diện tích nhà đất nêu trên nếu tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm có người khác đang thực tế sinh sống cùng với các đương sự cũng phải có nghĩa vụ thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Công ty TNHH T phải chịu 114.237.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng Công ty T đã nộp tại biên lai số AC/2015/0003997 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội được trừ vào tiền án phí phúc thẩm. Ông Nguyễn Thế M phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng ông M đã nộp tại biên lai số AC/2015/0003939 ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội được trừ vào tiền án phí phúc thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền 56.438.598 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2014/00743 ngày 09/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND T/p Hà Nội;
- TAND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Bình**